TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Bản án số: 118/2024/HC-PT	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Ngày: 28 - 02 - 2024	
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 868/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai trong lĩnh vực thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất"

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: số B T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Hoàng N1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Khưu Đăng P – Phó Chủ tịch (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Luật sư Lê Tuấn K – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (vắng mặt).

Luật sư Nguyễn Huy K1 – Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

Cùng địa chỉ liên hệ: A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Nhựt L, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Trung K2, sinh năm 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Tuyết .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các Đơn khởi kiện, Bản tự khai của người khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Năm 2003, ông N nhận chuyển nhượng phần đất nằm cặp tuyến lộ N và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 854941, đối với thửa đất số 2004, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.597m^2, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Trên phần đất này, ông đã san lấp, tôn tạo và trồng cây cối, hoa màu.

Ngày 24/12/2020, ông Nguyễn Văn N đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T làm việc thì nhận được Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để thực hiện Dự án đường vào Khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, theo quyết định thu hồi, phía UBND huyện T thu hồi đất để thực hiện Dự án nhưng theo thông tin ông được biết thì đang cho cơ quan, tổ chức thuê làm trụ sở. Việc này cho thấy, UBND huyện T đã sử dụng sai mục đích thu hồi đất.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết bao gồm:

1/ Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để thực hiện Dự án đường vào Khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Buộc UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Văn bản số 193/TNMT ngày 17/7/2023 của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, có ý kiến như sau:

Về thu hồi đất:

+ Ngày 10/7/2012, UBND huyện T tổ chức triển khai Thông báo số 73/TB-UBND ngày 09/7/2012 cho các hộ dân thuộc dự án biết về chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn N (đại diện hộ) đã thống nhất với chủ trương thu hồi đất của Nhà nước để thực hiện hiện dự án.

+ Theo Biên bản kiểm kê và biên bản kê khai tài sản ngày 30/7/2012, ông Nguyễn Văn N và Phạm Thị T thống nhất số liệu kiểm đếm, kê khai tài sản và chỉ yêu cầu hỗ trợ thêm phần tiền san lấp mặt bằng.

+ Ngày 13/11/2012, Phòng TN&MT phối hợp với UBND thị trấn T tổ chức triển khai, giao quyết định thu hồi đất cho các hộ dân nhưng ông Nguyễn Văn N không nhận quyết định Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để thực hiện Dự án Đường vào Khu H, tỉnh Sóc Trăng (Đợt 2); ông Nguyễn Văn N không ký tên vào biên bản (biên bản lập vào lúc 10 giờ ngày 13/11/2012 và có xác nhận của chính quyền địa phương).

+ Ngày 02/12/2020, ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu cung cấp thông tin liên quan dự án đường vào khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 24/12/2020, Phòng T cung cấp thông tin cho ông Nguyễn Văn N quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N.

- Về bồi thường, hỗ trợ:

+Ngày 08/11/2012, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND ngày 08/11/2012 về việc phê duyệt chi tiết chi phí Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Đường vào Khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hộ ông Nguyễn Văn N được bồi thường, hỗ trợ với số tiền: 485.511.310 đồng (Bồi thường đất, hoa màu công trình, VKT và chính sách hỗ trợ khác). Ngày 13/11/2012, Phòng T có mời ông Nguyễn n N2 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng ông Nguyễn Văn N không đồng ý nhận tiền và ông Nguyễn Văn N có ý kiến, cụ thể: Phần đất này là của em vợ ông N đang ở nước ngoài nhờ ông mua và đứng tên dùm. Do đó, ông không có quyền quyết định khi em vợ của ông chưa đồng ý và em vợ ông có ý kiến đề nghị Nhà nước cấp đổi diện tích tương đương diện tích bị thu hồi (có thể cấp đất nằm trong dự án), ông Nguyễn Văn N cam kết sẽ không ngăn cản trong lúc đơn vị thi công công trình (biên bản lập vào lúc 15 giờ ngày 13/11/2012)

+ Ngày 26/01/2016, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện tiếp tục mời

ông Nguyễn Văn N làm việc liên quan đến tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn N. Qua trao đổi, ông N có ý kiến: Về mặt pháp lý thì đất này là đất của ông nhưng thực sự ông đứng tên dùm em vợ ông đang định cư ở Pháp, do đó: ông không quyết định được.

+ Ngày 02/12/2020, ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu cung cấp thông tin liên quan dự án đường vào khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 24/12/2020, Phòng T đã cung cấp thông tin cho ông Nguyễn Văn N quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt chi tiết chi phí bởi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N.

Từ cơ sở trên, UBND huyện T khẳng định:

Việc ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để thực hiện Dự án Đường vào Khu H, tỉnh Sóc Trăng là không có cơ sở. Bởi vì:

- Từ ngày triển khai thông báo thu hồi đất cho đến khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để thực hiện Dự án Đường vào Khu H, tỉnh Sóc Trăng (Đợt 2) và đến ngày 13/11/2012 (biên bản lập hồi 10 giờ, kết thúc 10 giờ 30 phút) tổ chức giao quyết định cho hộ ông Nguyễn Văn N thì hộ ông Nguyễn Văn N không có khiếu nại quyết định thu hồi đất; ông Nguyễn Văn N đề nghị nhà nước cấp đổi diện tích tương đương diện tích thu hồi (rõ ràng là ông N đã biết được quyết định thu hồi đất), đồng ý để nhà nước thực hiện dự án, cam kết không ngăn cản trong lúc đơn vị thi công công trình (theo biên bản làm việc với ông N ngày 13/11/2012 lập vào lúc 15 giờ, kết thúc 15 giờ 45 phút). Ông Nguyễn Văn N chỉ khiếu nại về giá bồi thường đất.

- Do đó, căn cứ theo Điểm a, khoản 2, Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thì đã hết thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính, vì ngày triển khai quyết định thu hồi đất là ngày 03/11/2012, biên bản có xác nhận của chính quyền địa phương, việc giao quyết định thu hồi đất cho người dân là để người dân biết thông tin về thửa đất thu hồi, không có quy định bắt buộc phải giao quyết định thu hồi đất cho người có đất thu hồi (theo Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T1 thì không có quy định về việc giao quyết định thu hồi đất cho người có đất thu hồi); việc ông N không ký tên vào biên bản thì không có quy định bắt buộc ký tên và cũng không có quy định bắt buộc niêm yết yết định thu hồi đất, ông N đã biết được quyết định hành chính; Ngày 24/12/2020 là ngày Phòng T cung cấp thông tin cho ông Nguyễn Văn N, không phải ngày giao quyết định tính ngày 24/12/2020; tại biên bản làm việc có nêu rõ là năm 2012 có mời ông N để giao quyết định thu hồi đất nhưng ông N không nhận quyết định.

Tóm lại: Xét về bản chất của vụ việc là ông Nguyễn Văn N chỉ khiếu nại giá bồi thường về đất (Tuy nhiên việc bồi thường, hỗ trợ về đất, hoa màu công trình, vật kiến trúc và chính sách hỗ trợ khác đối với hộ ông Nguyễn Văn N là đúng theo quy định; không khiếu nại, không khởi kiện quyết định thu hồi đất; ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T đã thống nhất với chủ trương thu hồi đất, không ngăn cản để nhà nước thực hiện dự án, xây dựng công trình trên đất. Đã hết thời hiệu khiếu nại và thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính. Do đó, việc ông N khởi kiện quyết định thu hồi đất là không đúng theo quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu về việc:

- Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của hộ ông (bà) Nguyễn Văn N để thực hiện Dự án Đường vào Khu H, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2).

- Buộc UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Kiến nghị đến UBND huyện T cần xem xét số tiền bồi thường, hỗ trợ trong việc thu hồi đất nêu trên của hộ ông N thật sự thỏa đáng, nhằm ổn định cuộc sống của hộ dân bị thu hồi đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/10/2023 và ngày 06/10/2023 người khởi kiện là ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông khởi kiện là ông Trần Thanh V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Lê Hoàng N1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N vì phần đất tại thửa 2004 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông N và bà T, do ông N bà T mua với giá 45 lượng vàng 24k nhưng Quyết định thu hồi đất chỉ ghi tên

ông N, quá trình làm việc cũng chỉ làm việc với ông N, không có bà T, là xâm phạm đến quyền lợi của bà T. Việc bồi thường chậm là do lỗi của người bị kiện và giá bồi thường là quá thấp không đảm bảo cuộc sống cho ông N. Hiện nay, người bị kiện sử dụng đất không đúng với mục đích thu hồi đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị T: có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là bà Khưu Đăng P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là Luật sư Nguyễn Huy K1 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì việc thu hồi đất, bồi thường đối với ông N đã được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm các đương sự này.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện

Ngày 09/10/2012, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N diện tích 1.597m^2 đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện Dự án Đường vào Khu H, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2).

Ngày 06/11/2012, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1355/QĐHC-CTUBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ

giải phóng mặt bằng Dự án Đường vào Khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Đ).

Ngày 08/11/2012, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND về việc phê duyệt chi tiết chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Đường vào Khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Đ), trong đó hộ ông Nguyễn Văn N được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 485.511.310 đồng, trong đó bồi thường về đất là 219.110.000 đồng.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/11/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T cũng đã mời ông N đến để công bố Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND ngày 08/11/2012 nêu trên nhưng ông N không nhận bồi thường mà cho rằng diện tích đất này là do ông đứng tên dùm em vợ ông và em ông đề nghị được nhận bồi thường bằng đất tương đương.

Ngày 26/01/2016, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện T tiếp tục mời ông Nguyễn Văn N làm việc đề nghị ông N nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Qua trao đổi, ông N có ý kiến: về mặt pháp lý thì đất này là đất của ông nhưng thực sự ông đứng tên dùm em vợ ông đang định cư ở Pháp, do đó: ông không quyết định được.

Như vậy, sau khi ban hành quyết định thu hồi đất, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND ngày 08/11/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông Nguyễn Văn N.

Ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; buộc UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra trong trường hợp này, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N về việc *"Buộc UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật"* thì Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND ngày 08/11/2012 về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất đối với ông Nguyễn Văn N là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Đồng thời, căn cứ vào Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Đường vào Khu hành chính huyện T, tỉnh Sóc Trăng để xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định hành chính số 1361/QĐHC-CTUBND nêu trên nhằm xác định việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND huyện T đối với phần đất thu hồi của ông Nguyễn Văn N đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật hay chưa.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính số 1361/QĐHC-CTUBND về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất, không nhận xét gì về việc bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất mà đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Mặt khác, việc Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị đến UBND huyện T cần xem xét số tiền bồi thường, hỗ trợ trong việc thu hồi đất nêu

trên của hộ ông N thật sự thỏa đáng, nhằm ổn định cuộc sống của hộ dân bị thu hồi đất cũng là vi phạm thủ tục tố tụng vì căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử chỉ có thẩm quyền kiến nghị cách thức xử lý trong trường hợp chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N nhưng vẫn kiến nghị UBND huyện T bồi thường thỏa đáng cho người khởi kiện là có sự mâu thuẫn.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 10/7/2012, UBND huyện T tổ chức triển khai Thông báo số 73/TB-UBND ngày 09/7/2012 cho các hộ dân thuộc dự án biết về chủ trương thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn N (đại diện hộ) đã thống nhất với chủ trương thu hồi đất của Nhà nước.

Theo Biên bản kiểm kê và Biên bản kê khai tài sản ngày 30/7/2012, ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T thống nhất số liệu kiểm đếm, kê khai tài sản và chỉ yêu cầu hỗ trợ thêm phần tiền san lấp mặt bằng.

Ngày 09/10/2012, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn N.

Ngày 13/11/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T mời ông Nguyễn Văn N lên nhận tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất theo Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND ngày 08/11/2012 nhưng ông N không đồng ý nhận nhưng ông N không nhận bồi thường mà cho rằng diện tích đất này là do ông đứng tên dùm em vợ ông và em ông đề nghị được nhận bồi thường bằng đất tương đương. Ông Nguyễn Văn N cam kết sẽ không ngăn cản trong lúc đơn vị thi công công trình.

Tại mục [15] của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cũng nhận định nội dung nêu trên và thừa nhận thời điểm đó ông N không có ý kiến gì đối với việc thu hồi đất, không khiếu nại về giá bồi thường không tương xứng với thực tế mà chỉ đề nghị được cấp đổi một diện tích tương đương với diện tích đất bị thu hồi.

Điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính quy định: *"Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau: 01 năm kể từ ngày* ***nhận được*** *hoặc* ***biết được*** *quyết định hành chính, hành vi hành chính".*

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định việc người khởi kiện **nhận được** Quyết định hành chính số 71/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND huyện T vào ngày 24/12/2020 mà không xem xét các tài liệu, chứng cứ mà phía người bị kiện đưa ra thể hiện người khởi kiện đã **biết được** Quyết định thu hồi đất số 71/QĐ-UBND và Quyết định số 1361/QĐHC-CTUBND về bồi thường, hỗ trợ từ năm 2012, là chưa đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này cần xác định ông N đã biết được các quyết định hành chính bị kiện từ năm 2012, nhưng đến năm 2021 mới khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ

thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông N là không đúng quy định của pháp luật.

[1.4] Về hình thức, nội dung của bản án sơ thẩm

Tại điểm b khoản 2 Điều 194 Luật tố tụng hành chính quy định: *"**Tòa án phải căn cứ vào kết quả tranh tụng, các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa** để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án áp dụng để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và giải quyết các vấn đề khác có liên quan;"*. Tuy nhiên, tại bản án hành chính sơ thẩm, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã không ghi nhận ý kiến của người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, là có thiếu sót.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 197 Luật tố tụng hành chính cũng quy định: *"Sau khi bản án, quyết định của Tòa án được ban hành thì không được sửa chữa, bổ sung, trừ trường hợp phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai"*. Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định sửa chữa, bổ sung bản án ghi nhận thêm toàn bộ ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, đồng thời sửa chữa, bổ sung cả phần quyết định của bản án sơ thẩm là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 197 Luật tố tụng hành chính đã viện dẫn ở trên.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự mặc dù thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, cần thiết phải hủy bản án hành chính sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm: người khởi kiện là ông Nguyễn Văn N không phải chịu.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm: người khởi kiện ông Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: ông Nguyễn Văn N không phải chịu. Trả lại cho ông Nguyễn Văn N 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0009086 ngày 14/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T không phải chịu. H lại cho ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị T mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0011654 ngày 06/10/2023 và số0011684 ngày 17/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng;

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (1);
- NCQLNVLQ (3)
- Lưu hồ sơ (1), VP (3),14b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Minh